TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 396/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thanh Thủy.

2/ Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2024/QĐHPT-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1986 (Có đơn vắng mặt).
Thường trú: Ấp 4, xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.
Cư trú: 211/3 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trần Bảo C, sinh năm 1989 (Có mặt).
Thường trú: 332 Bà H, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/05/2024, nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Ông và bà Trần Bảo C tự nguyện chung sống vào năm 2014 và đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 091/2014 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2014.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do có lối sống khác biệt nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Dù hai bên đã cố gắng hàn gắn và giải quyết những bất đồng nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà C đã ly thân từ tháng 12/2014 cho đến nay. Do vậy, để ổn định cuộc sống ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 18/7/2014, ông đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 08/2024 cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Bảo C trình bày:

Bà và ông T chung sống và kết hôn năm 2014, thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn do ông T có mối quan hệ với những cô gái khác, không chăm lo cuộc sống gia đình. Hai người sống ly thân từ tháng 12/2014 đến nay nhưng ông T vẫn không quan tâm và có trách nhiệm với con chung, ông T chặn các cuộc gọi, tin nhắn của con. Mặc dù, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng cả hai không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thiện N sinh ngày 07/6/2014, bà C trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của ông T đưa ra là 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 08/2024 cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đồng ý ly hôn, nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông T là 3.000.000/tháng, bắt đầu từ tháng 08/2024 cho đến khi con thành niên. Tuy nhiên, bà C mong muốn ông T quan tâm, có trách nhiệm đến con chung hơn nữa để con chung không có cảm giác thiếu tình cảm của người cha. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự thuận tình ly hôn, giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 8/2024 cho đến khi con thành niên; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn bà Trần Bảo C cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 091/2014 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2014, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Thanh T và bà Trần Bảo C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Cả hai đều xác nhận trong thời gian chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, lối sống khác biệt, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2014 đến nay. Nay, để ổn định cuộc sống cả hai đều thuận tình ly hôn. Do các đương sự thuận tình ly hôn nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông T và bà C theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Ông T và bà C đều thống nhất giao con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 07/6/2014 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 08/2024 cho đến khi con thành niên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và là người cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T và bà Trần Bảo C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 07/6/2014 cho bà Trần Bảo C trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bắt đầu từ tháng 08/2024 cho đến khi con thành niên.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông T chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0020333 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông T chịu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM,
- VKSND TP. HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND Phường 9, Quận 10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan